Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**159.478**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**159.478**
1	Vốn nước ngoài	159.478

Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**159.478**		**159.478**
	Các hoạt động kinh tế	159.478		159.478
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*154.800*		*154.800*
-	*Cấp nước, thoát nước*	*4.678*		*4.678*

Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó							
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						
	Tổng số				**703.207**	**124.176**	**30.769**	**93.407**		**579.031**	**540.671**	**38.360**	**40.295**	**10.295**	**30.000**	**159.478**		**159.478**	
	Hà Giang				**703.207**	**124.176**	**30.769**	**93.407**		**579.031**	**540.671**	**38.360**	**40.295**	**10.295**	**30.000**	**159.478**		**159.478**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**473.634**	**90.034**		**90.034**		**383.600**	**345.240**	**38.360**				**154.800**		**154.800**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**473.634**	**90.034**		**90.034**		**383.600**	**345.240**	**38.360**				**154.800**		**154.800**	
a	**Dự án khởi công mới 2021-2025**				**473.634**	**90.034**		**90.034**		**383.600**	**345.240**	**38.360**				**154.800**		**154.800**	
(1)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang, sử dụng vốn vay Nhật Bản	38000	JICA	1549/QĐ-TTg, 15/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	473.634	90.034		90.034	1.759,50 triệu Yên	383.600	345.240	38.360				154.800		154.800	
II	**Cấp nước, thoát nước**				**229.573**	**34.142**	**30.769**	**3.373**		**195.431**	**195.431**		**40.295**	**10.295**	**30.000**	**4.678**		**4.678**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**229.573**	**34.142**	**30.769**	**3.373**		**195.431**	**195.431**		**40.295**	**10.295**	**30.000**	**4.678**		**4.678**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**				**229.573**	**34.142**	**30.769**	**3.373**		**195.431**	**195.431**		**40.295**	**10.295**	**30.000**	**4.678**		**4.678**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020***				***229.573***	***34.142***	***30.769***	***3.373***		***195.431***	***195.431***		***40.295***	***10.295***	***30.000***	***4.678***		***4.678***	
(1)	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hà Giang	77	DANIDA	QĐ số 1241/ QĐ-TTg ngày 16/7/2021; QĐ số 2915/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	229.573	34.142	30.769	3.373	7.374.754 Euro	195.431	195.431		40.295	10.295	30.000	4.678		4.678	

Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**2.522.410**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**2.522.410**
1	Vốn trong nước	2.157.170
2	Vốn nước ngoài	365.240

Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**2.522.410**	**2.157.170**	**365.240**
	Văn hóa, thông tin	90.000	90.000	
	Các hoạt động kinh tế	2.432.410	2.067.170	365.240
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*355.340*		*355.340*
-	*Giao thông*	*2.067.170*	*2.067.170*	
-	*Cấp nước, thoát nước*	*9.900*		*9.900*

Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**6.895.000**	**4.587.170**		**2.157.170**			
	Tuyên Quang			**6.895.000**	**4.587.170**		**2.157.170**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**95.000**	**90.000**		**90.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**95.000**	**90.000**		**90.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**95.000**	**90.000**		**90.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***95.000***	***90.000***		***90.000***			
(1)	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang	38174	01/NQ-HĐND, 28/02/2023	95.000	90.000		90.000			
II	**Giao thông**			**6.800.000**	**4.497.170**		**2.067.170**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**6.800.000**	**4.497.170**		**2.067.170**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**6.800.000**	**4.497.170**		**2.067.170**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***6.800.000***	***4.497.170***		***2.067.170***			
(1)	Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	38163	87/NQ-HĐND, 21/12/2021; 25/ NQ-HĐND, 16/8/2022; 45/ NQ-HĐND; 09/12/2022	6.800.000	4.497.170		2.067.170			

Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I.C

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướngiChính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó							
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Tổng số				**1.008.100**	**208.560**		**208.560**		**799.540**	**720.576**	**78.964**			**365.240**			**365.240**	
	Tuyên Quang				**1.008.100**	**208.560**		**208.560**		**799.540**	**720.576**	**78.964**			**365.240**			**365.240**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**998.200**	**208.560**		**208.560**		**789.640**	**710.676**	**78.964**			**355.340**			**355.340**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**998.200**	**208.560**		**208.560**		**789.640**	**710.676**	**78.964**			**355.340**			**355.340**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**998.200**	**208.560**		**208.560**		**789.640**	**710.676**	**78.964**			**355.340**			**355.340**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***998.200***	***208.560***		***208.560***		***789.640***	***710.676***	***78.964***			***355.340***			***355.340***	
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Tuyên Quang	37982	JICA	456/QĐ-TTg, 13/4/2022	998.200	208.560		208.560	4893.2	789.640	710.676	78.964			355.340			355.340	
II	**Cấp nước, thoát nước**				**9.900**					**9.900**	**9.900**				**9.900**			**9.900**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**9.900**					**9.900**	**9.900**				**9.900**			**9.900**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**9.900**					**9.900**	**9.900**				**9.900**			**9.900**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***9.900***					***9.900***	***9.900***				***9.900***			***9.900***	
(1)	Dự án cấp nước sinh hoạt gắn với phát triển nông nghiệp bền vững xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	37990	MLCSF	641/QĐ-UBND, 24/11/2022	9.900					9.900	9.900				9.900			9.900	

Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I.D

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																		
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng							
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó:															
													Đưa vào	Vay lại														
	Tổng số						**1.508.864**	**260.766**	**154.070**			**1.248.098**	**1.184.356**	**63.742**	**512.720**	**70.000**		**442.720**			**17.074**	**17.074**					**512.720**	**70.000**	**442.720**	
	Tuyên Quang						**1.508.864**	**260.766**	**154.070**			**1.248.098**	**1.184.356**	**63.742**	**512.720**	**70.000**		**442.720**			**17.074**	**17.074**					**512.720**	**70.000**	**442.720**	
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						**1.508.864**	**260.766**	**154.070**			**1.248.098**	**1.184.356**	**63.742**	**512.720**	**70.000**		**442.720**			**17.074**	**17.074**					**296.194**		**296.194**	
a	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**						**665.577**	**89.577**				**576.000**	**559.305**	**16.695**	**279.120**			**279.120**				**17.074**					**296.194**		**296.194**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**665.577**	**89.577**				**576.000**	**559.305**	**16.695**	**279.120**			**279.120**				**17.074**					**296.194**		**296.194**	
-	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***						***665.577***	***89.577***				***576.000***	***559.305***	***16.695***	***279.120***			***279.120***				***17.074***					***296.194***		***296.194***	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						**665.577**	**89.577**				**576.000**	**559.305**	**16.695**	**279.120**			**279.120**				**17.074**					**296.194**		**296.194**	
(1)	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	1689	WB			4638/QĐ-BNN-HTQT; 09/11/2015	251.660	13.160			10.6	238.500	221.805	16.695	100.000			100.000				4.650					104.650		104.650	
(2)	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang	3402	Hàn Quốc			85/QĐ-UBND ngày 23/01/2019	413.917	76.417			15	337.500	337.500		179.120			179.120				12.424					191.544		191.544	
b	**Công trình công cộng tại các đô thị**						**843.287**	**171.189**	**154.070**			**672.098**	**625.051**	**47.047**	**233.600**	**70.000**		**163.600**			**17.074**						**216.526**	**70.000**	**146.526**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**843.287**	**171.189**	**154.070**			**672.098**	**625.051**	**47.047**	**233.600**	**70.000**		**163.600**			**17.074**						**216.526**	**70.000**	**146.526**	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW											
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng								
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó:																
													Đưa vào	Vay lại															
-	*Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025*						*843.287*	*171.189*	*154.070*			*672.098*	*625.051*	*47.047*	*233.600*	*70.000*		*163.600*			*17.074*						*216.526*	*70.000*	*146.526*	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						843.287	171.189	154.070			672.098	625.051	47.047	233.600	70.000		163.600			17.074						216.526	70.000	146.526	
(1)	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (WB):	104	WB			1497, 17/12/2014; 375/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	843.287	171.189	154.070		32	672.098	625.051	47.047	233.600	70.000		163.600			17.074						216.526	70.000	146.526	

Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**2.430.000**
1	**NGÀNH GIAO THÔNG**	**2.430.000**

Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**6.800.000**	**4.497.170**	**2.430.000**	
	Tuyên Quang			**6.800.000**	**4.497.170**	**2.430.000**	
I	**NGÀNH GIAO THÔNG**			**6.800.000**	**4.497.170**	**2.430.000**	
(1)	Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	37546	87/NQ-HĐND, 21/12/2021; 25/NQ-HĐND, 16/8/2022; 45/NQ-HĐND; 09/12/2022	6.800.000	4.497.170	2.430.000	

Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**101.898**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**101.898**
1	Vốn nước ngoài	101.898

Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**101.898**		**101.898**
	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	101.898		101.898

Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**299.006**	**72.564**		**72.564**		**226.442**	**203.798**	**22.644**				**101.898**			**101.898**	
	Cao Bằng				**299.006**	**72.564**		**72.564**		**226.442**	**203.798**	**22.644**				**101.898**			**101.898**	
I	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**				**299.006**	**72.564**		**72.564**		**226.442**	**203.798**	**22.644**				**101.898**			**101.898**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**299.006**	**72.564**		**72.564**		**226.442**	**203.798**	**22.644**				**101.898**			**101.898**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**299.006**	**72.564**		**72.564**		**226.442**	**203.798**	**22.644**				**101.898**			**101.898**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***299.006***	***72.564***		***72.564***		***226.442***	***203.798***	***22.644***				***101.898***			***101.898***	
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc tỉnh Cao Bằng	37986	JICA	716/QĐ-TTg 13/6/2022	299,006	72.564		72.564	1.110 triệu Yên (9,769 triệu USD)	226.442	203.798	22.644				101.898			101.898	

Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**280.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**280.000**
1	Vốn nước ngoài	280.000

Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**280.000**		**280.000**
	Xã hội	280.000		280.000

Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**11.458.072**	**2.897.559**		**2.695.810**			
	Lạng Sơn			**11.458.072**	**2.897.559**		**2.695.810**			
I	**Khu công nghiệp và khu kinh tế**			**147.759**	**147.559**		**53.912**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**147.759**	**147.559**		**53.912**			
(1)	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	37954	43/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 06/ NQ-HDNĐ ngày 24/3/2022	147.759	147.559		53.912			
II	**Giao thông**			**690.313**	**250.000**		**141.898**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**690.313**	**250.000**		**141.898**			
(1)	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	37955	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690.313	250.000		141.898			
III	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**			**10.620.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**10.620.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**10.620.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***10.620.000***	***2.500.000***		***2.500.000***			
(1)	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	31409	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022	10.620.000	2.500.000		2.500.000			

Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			**181.198**	**111.000**	**20.000**			**2.000**				**18.000**	
	Lạng Sơn			**181.198**	**111.000**	**20.000**			**2.000**				**18.000**	
I	**Giao thông**			**181.198**	**111.000**	**20.000**			**2.000**				**18.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**181.198**	**111.000**	**20.000**			**2.000**				**18.000**	
(1)	Cầu thị trấn Lộc Bình	4667	1681 ngày 25/10/2014; 314/QĐ-UBND, 27/2/2017; 2090a/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	181.198	111.000	20.000			2.000				18.000	

Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.D

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**813.500**	**190.380**		**190.380**		**623.120**	**560.808**	**62.312**				**280.000**			**280.000**	
	Lạng Sơn				**813.500**	**190.380**		**190.380**		**623.120**	**560.808**	**62.312**				**280.000**			**280.000**	
I	**Xã hội**				**813.500**	**190.380**		**190.380**		**623.120**	**560.808**	**62.312**				**280.000**			**280.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**813.500**	**190.380**		**190.380**		**623.120**	**560.808**	**62.312**				**280.000**			**280.000**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**813.500**	**190.380**		**190.380**		**623.120**	**560.808**	**62.312**				***280.000***			***280.000***	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***813.500***	***190.380***		***190.380***		***623.120***	***560.808***	***62.312***								
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn	37984	JICA	576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022	813.500	190.380		190.380		623.120	560.808	62.312				280.000			280.000	

Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**80.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**80.000**
1	Vốn nước ngoài	80.000

Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**80.000**		**80.000**
	Các hoạt động kinh tế	80.000		80.000
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*80.000*		*80.000*

Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**400.000**	**385.034**	**320.000**	**40.000**			
	Lào Cai			**400.000**	**385.034**	**320.000**	**40.000**			
I	**Y tế, dân số và gia đình**			**400.000**	**385.034**	**320.000**	**40.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**400.000**	**385.034**	**320.000**	**40.000**			
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**400.000**	**385.034**	**320.000**	**40.000**			
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***400.000***	***385.034***	***320.000***	***40.000***			
(1)	Xây mới Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	27579	NQ số 44 ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh	200.000	185.034	150.000	20.000			
(2)	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà	37178	NQ số 44 ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh	200.000	200.000	170.000	20.000			

Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I.C

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 988/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**672.287**	**233.147**	**70.000**	**163.147**		**439.140**	**219.570**	**219.570**				**150.000**	**70.000**		**80.000**	
	Lào Cai				**672.287**	**233.147**	**70.000**	**163.147**		**439.140**	**219.570**	**219.570**				**150.000**	**70.000**		**80.000**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**672.287**	**233.147**	**70.000**	**163.147**		**439.140**	**219.570**	**219.570**				**150.000**	**70.000**		**80.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**672.287**	**233.147**	**70.000**	**163.147**		**439.140**	**219.570**	**219.570**				**150.000**	**70.000**		**80.000**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**672.287**	**233.147**	**70.000**	**163.147**		**439.140**	**219.570**	**219.570**				**150.000**	**70.000**		**80.000**	
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***				***672.287***	***233.147***	***70.000***	***163.147***		***439.140***	***219.570***	***219.570***				***150.000***	***70.000***		***80.000***	
(1)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai	3421	JICA	1624/QĐ-TTg ngày 27/12/2022	672.287	233.147	70.000	163.147	18.895.000 USD	439.140	219.570	219.570				150.000	70.000		80.000	

Tỉnh Lào Cai

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**156.000**
1	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**	**156.000**

Tỉnh Lào Cai

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**216.000**	**156.000**	**156.000**	
	Lào Cai			**216.000**	**156.000**	**156.000**	
I	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**			**216.000**	**156.000**	**156.000**	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	37984	Số 08/NQ-HĐND ngày 10/03/2023	85.000	55.000	55.000	
(2)	Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	37985	Số 36/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	75.000	45.000	45.000	
(3)	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 09 Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tỉnh Lào Cai	37986	Số 36/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	56.000	56.000	56.000	

Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**294.619**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**294.619**
1	Vốn nước ngoài	294.619

Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**294.619**		**294.619**
	Y tế, dân số và gia đình	1.402		1.402
	Các hoạt động kinh tế	293.217		293.217
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*180.000*		*180.000*
-	*Công trình công cộng tại các đô thị*	*113.217*		*113.217*

Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó							
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						
	Tổng số				**1.956.193**	**635.151**		**635.151**		**1.321.042**	**1.014.488**	**306.554**	**524.772**		**524.772**	**294.619**		**294.619**	
	Yên Bái				**1.956.193**	**635.151**		**635.151**		**1.321.042**	**1.014.488**	**306.554**	**524.772**		**524.772**	**294.619**		**294.619**	
I	**Y tế, dân số và gia đình**				**38.095**	**6.700**		**6.700**		**31.395**	**31.395**		**29.000**		**29.000**	**1.402**		**1.402**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**38.095**	**6.700**		**6.700**		**31.395**	**31.395**		**29.000**		**29.000**	**1.402**		**1.402**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**				**38.095**	**6.700**		**6.700**		**31.395**	**31.395**		**29.000**		**29.000**	**1.402**		**1.402**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***				***38.095***	***6.700***		***6.700***		***31.395***	***31.395***		***29.000***		***29.000***	***1.402***		***1.402***	
(1)	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho Bệnh viện đa khoa huyện Lục Yên và 10 phòng khám đa khoa khu vực - tỉnh Yên Bái	185	KFW	Quyết định số 1904/QĐ-TTg ngày 16/10/2013 ; Quyết định số 2793/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 ; QĐ số 609/ QĐ-TTg ngày 26/4/2021	38.095	6.700		6.700		31.395	31.395		29.000		29.000	1.402		1.402	
II	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**494.452**	**92.752**		**92.752**		**401.700**	**361.530**	**40.170**				**180.000**		**180.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**494.452**	**92.752**		**92.752**		**401.700**	**361.530**	**40.170**				**180.000**		**180.000**	
a	**Dự án khởi công mới 2021-2025**				**494.452**	**92.752**		**92.752**		**401.700**	**361.530**	**40.170**				**180.000**		**180.000**	
(1)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Yên Bái sử dụng vốn vay Nhật Bản	37997	JP	1593/QĐ-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	494.452	92.752		92.752	17340000	401.700	361.530	40.170				180.000		180.000	
III	**Công trình công cộng tại các đô thị**				**1.423.646**	**535.699**		**535.699**		**887.947**	**621.563**	**266.384**	**495.772**		**495.772**	**113.217**		**113.217**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**1.423.646**	**535.699**		**535.699**		**887.947**	**621.563**	**266.384**	**495.772**		**495.772**	**113.217**		**113.217**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**				**1.423.646**	**535.699**		**535.699**		**887.947**	**621.563**	**266.384**	**495.772**		**495.772**	**113.217**		**113.217**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***				***1.423.646***	***535.699***		***535.699***		***887.947***	***621.563***	***266.384***	***495.772***		***495.772***	***113.217***		***113.217***	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	3146	WB	QĐ 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2019; 466/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; QĐ 26/QĐ-TTG ngày 06/01/2020; QĐ 400/QĐ-UBND ngày 3/3/2020	1.423.646	535.699		535.699	39460000	887.947	621.563	266.384	495.772		495.772	113.217			113.217	

Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**71.245**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**71.245**
1	Vốn nước ngoài	71.245

Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**71.245**		**71.245**
	Các hoạt động kinh tế	71.245		71.245
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*71.245*		*71.245*

Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Tổng số				**921.178**	**208.732**		**208.732**		**712.446**	**356.223**	**356.223**				**71.245**			**71.245**	
	Thái Nguyên				**921.178**	**208.732**		**208.732**		**712.446**	**356.223**	**356.223**				**71.245**			**71.245**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**921.178**	**208.732**		**208.732**		**712.446**	**356.223**	**356.223**				**71.245**			**71.245**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**921.178**	**208.732**		**208.732**		**712.446**	**356.223**	**356.223**				**71.245**			**71.245**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**921.178**	**208.732**		**208.732**		**712.446**	**356.223**	**356.223**				**71.245**			**71.245**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***921.178***	***208.732***		***208.732***		***712.446***	***356.223***	***356.223***				***71.245***			***71.245***	
(1)	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	37983	JICA	983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178	208.732		208.732	39,805 triệu USD	712.446	356.223	356.223				71.245			71.245	

Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**305.800**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**305.800**
1	Vốn nước ngoài	305.800

Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**305.800**		**305.800**
	Các hoạt động kinh tế	305.800		305.800
-	*Giao thông*	*295.000*		*295.000*
-	*Cấp nước, thoát nước*	*10.800*		*10.800*

Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài(tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Tổng số				**882.456**	**215.883**		**215.883**		**666.522**	**600.995**	**65.577**				**305.800**			**305.800**	
	Bắc Kạn				**882.456**	**215.883**		**215.883**		**666.522**	**600.995**	**65.577**				**305.800**			**305.800**	
I	**Cấp nước, thoát nước**				**10.850**	**50**		**50**		**10.800**	**10.800**					**10.800**			**10.800**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**10.850**	**50**		**50**		**10.800**	**10.800**					**10.800**			**10.800**	
a	**Dự án khởi công mới 2021-2025**				**10.850**	**50**		**50**		**10.800**	**10.800**					**10.800**			**10.800**	
(1)	Đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt cho các xã vùng đặc biệt khó khăn huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	37978	MLCSF	1791/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	10.850	50		50	468000 USD	10.800	10.800					10.800			10.800	
II	**Giao thông**				**871.606**	**215.833**		**215.833**		**655.722**	**590.195**	**65.577**				**295.000**			**295.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**871.606**	**215.833**		**215.833**		**655.722**	**590.195**	**65.577**				**295.000**			**295.000**	
a	**Dự án khởi công mới 2021-2025**				**871.606**	**215.833**		**215.833**		**655.722**	**590.195**	**65.577**				**295.000**			**295.000**	
(1)	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Kạn	37977	JICA	613/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	871.606	215.833		215.833	37663000 USD	655.722	590.195	65.577				295.000			295.000	

Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**103.916**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**103.916**
1	Vốn trong nước	88.000
2	Vốn nước ngoài	15.916

Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**103.916**	**88.000**	**15.916**
	Văn hóa, thông tin	88.000	88.000	
	Các hoạt động kinh tế	15.916		15.916
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*15.916*		*15.916*

Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**300.000**	**88.000**		**88.000**			
	Phú Thọ			**300.000**	**88.000**		**88.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**300.000**	**88.000**		**88.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**300.000**	**88.000**		**88.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**300.000**	**88.000**		**88.000**			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***300.000***	***88.000***		***88.000***			
(1)	Tu bổ, tôn tạo hạ tầng cảnh quan Khu di tích lịch sử Đền Hùng	38167	18/NQ-HĐND, 09/12/2022	300.000	88.000		88.000			

Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I.C

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưaivào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**216.830**	**11.470**	**11.470**			**205.360**	**174.556**	**30.804**	**65.000**		**65.000**	**15.916**			**15.916**	
	Phú Thọ				**216.830**	**11.470**	**11.470**			**205.360**	**174.556**	**30.804**	**65.000**		**65.000**	**15.916**			**15.916**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**216.830**	**11.470**	**11.470**			**205.360**	**174.556**	**30.804**	**65.000**		**65.000**	**15.916**			**15.916**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**216.830**	**11.470**	**11.470**			**205.360**	**174.556**	**30.804**	**65.000**		**65.000**	**15.916**			**15.916**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**				**216.830**	**11.470**	**11.470**			**205.360**	**174.556**	**30.804**	**65.000**		**65.000**	**15.916**			**15.916**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***				***216.830***	***11.470***	***11.470***			***205.360***	***174.556***	***30.804***	***65.000***		***65.000***	***15.916***			***15.916***	
(1)	Dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập toàn tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập sử dụng nguồn vốn vay WB (WB8)	1910	WB	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 673/QĐ-UBND,24/3/2016; 437QĐ-UBND ngày 05/3/2020	216.830	11.470	11.470		0	205.360	174.556	30.804	65.000		65.000	15.916			15.916	

Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**282.000**
1	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**	**282.000**

Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trongđó: NSTW		
	Tổng số			**315.640**	**282.000**	**282.000**	
	Phú Thọ			**315.640**	**282.000**	**282.000**	
I	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**			**315.640**	**282.000**	**282.000**	
(1)	Dự án đầu tư 08 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Phú Thọ	37996	03/NQ-HĐND, 30/5/2022; 17/NQ-HĐND, 09/12/2022; 01/NQ-HĐND, 24/3/2023	315.640	282.000	282.000	

Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**77.058**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**77.058**
1	Vốn trong nước	70.000
2	Vốn nước ngoài	7.058

Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**77.058**	**70.000**	**7.058**
	Văn hóa, thông tin	70.000	70.000	
	Bảo vệ môi trường	7.058		7.058

Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**108.539**	**70.000**		**70.000**			
	Bắc Giang			**108.539**	**70.000**		**70.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**108.539**	**70.000**		**70.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**108.539**	**70.000**		**70.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**108.539**	**70.000**		**70.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***108.539***	***70.000***		***70.000***			
(1)	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm	38166	42/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	108.539	70.000		70.000			

Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I.C

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**160.910**	**25.663**		**25.663**		**135.248**	**121.723**	**13.525**				**7.058**			**7.058**	
	Bắc Giang				**160.910**	**25.663**		**25.663**		**135.248**	**121.723**	**13.525**				**7.058**			**7.058**	
I	**Tài nguyên**				**160.910**	**25.663**		**25.663**		**135.248**	**121.723**	**13.525**				**7.058**			**7.058**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**160.910**	**25.663**		**25.663**		**135.248**	**121.723**	**13.525**				**7.058**			**7.058**	
x	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**				**160.910**	**25.663**		**25.663**		**135.248**	**121.723**	**13.525**				**7.058**			**7.058**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***				***160.910***	***25.663***		***25.663***		***135.248***	***121.723***	***13.525***				***7.058***			***7.058***	
(1)	Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang, vay vốn Ngân hàng Thế giới	38001	WB	1426/QĐ-UBND, 08/9/2016; 208/BTNMT-KH; 431/QĐ-UBND, 02/7/2019; 969/QĐ-UBND, 16/12/2019; 356/QĐ-UBND, 10/3/2022	160.910	25.663		25.663	6.957.980 USD	135.248	121.723	13.525				7.058			7.058	

Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**44.000**
1	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**	**44.000**

Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**44.940**	**44.000**	**44.000**	
	Bắc Giang			**44.940**	**44.000**	**44.000**	
I	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**			**44.940**	**44.000**	**44.000**	
(1)	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	38220	210/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	44.940	44.000	44.000	

Tỉnh Hoà Bình

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**3.593.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**3.593.000**
1	Vốn trong nước	3.593.000

Tỉnh Hoà Bình

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**3.593.000**	**3.593.000**	
	Các hoạt động kinh tế	3.593.000	3.593.000	
-	*Giao thông*	*3.593.000*	*3.593.000*	

Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**9.777.000**	**8.243.000**		**3.593.000**			
	Hòa Bình			**9.777.000**	**8.243.000**		**3.593.000**			
I	**Giao thông**			**9.777.000**	**8.243.000**		**3.593.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**9.777.000**	**8.243.000**		**3.593.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**9.777.000**	**8.243.000**		**3.593.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***9.777.000***	***8.243.000***		***3.593.000***			
(1)	Dự án đầu tư đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (đoạn từ km19 đến km53 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình)	38162	171/NQ-HĐND ngày 29/8/2022; 187/NQ-HĐND ngày 20/10/2022; 198/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	9.777.000	8.243.000		3.593.000			

Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**4.650.000**
1	**NGÀNH GIAO THÔNG**	**4.650.000**

Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**9.777.000**	**8.243.000**	**4.650.000**	
	Hòa Bình			**9.777.000**	**8.243.000**	**4.650.000**	
I	**NGÀNH GIAO THÔNG**			**9.777.000**	**8.243.000**	**4.650.000**	
(1)	Đầu tư đường cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu (đoạn từ Km19 đến Km53 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình)	37547	171/NQ-HĐND ngày 29/8/2022; 187/NQ-HĐND ngày 20/10/2022; 198/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	9.777.000	8.243.000	4.650.000	

Tỉnh Sơn La

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**177.639**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**177.639**
1	Vốn nước ngoài	177.639

Tỉnh Sơn La

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**177.639**		**177.639**
	Bảo vệ môi trường	86.739		86.739
	Các hoạt động kinh tế	90.900		90.900
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*90.900*		*90.900*

Tỉnh Sơn La

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**1.319.227**	**297.035**		**297.035**		**1.022.192**	**780.103**	**242.089**				**177.639**			**177.639**	
	Sơn La				**1.319.227**	**297.035**		**297.035**		**1.022.192**	**780.103**	**242.089**				**177.639**			**177.639**	
I	**Môi trường**				**970.500**	**209.200**		**209.200**		**761.300**	**545.300**	**216.000**				**86.739**			**86.739**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**970.500**	**209.200**		**209.200**		**761.300**	**545.300**	**216.000**				**86.739**			**86.739**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**970.500**	**209.200**		**209.200**		**761.300**	**545.300**	**216.000**				**86.739**			**86.739**	
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***				***970.500***	***209.200***		***209.200***		***761.300***	***545.300***	***216.000***				***86.739***			***86.739***	
(1)	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La	38003	AFD	157/NQ-HĐND - 10/01/2023	970.500	209.200		209.200	27,644 triệu EUR	761.300	545.300	216.000				86.739			86.739	
II	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**348.727**	**87.835**		**87.835**		**260.892**	**234.803**	**26.089**				**90.900**			**90.900**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**348.727**	**87.835**		**87.835**		**260.892**	**234.803**	**26.089**				**90.900**			**90.900**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**348.727**	**87.835**		**87.835**		**260.892**	**234.803**	**26.089**				**90.900**			**90.900**	
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***				***348.727***	***87.835***		***87.835***		***260.892***	***234.803***	***26.089***				***90.900***			***90.900***	
(1)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La sử dụng vốn vay Nhật Bản	37998	JICA	1592/QĐ-TTg 23/12/2022	348.727	87.835		87.835	1.622 triệu Yên	260.892	234.803	26.089				90.900			90.900	

Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**205.392**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**205.392**
2	Vốn nước ngoài	205.392

Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**205.392**		**205.392**
	Các hoạt động kinh tế	205.392		205.392
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*198.000*		*198.000*
-	*Cấp nước, thoát nước*	*7.392*		*7.392*

Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**3.300.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
	Lai Châu			**3.300.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
I	**Giao thông**			**3.300.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**3.300.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**3.300.000**	**2.500.000**		**2.500.000**			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***3.300.000***	***2.500.000***		***2.500.000***			
(1)	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	33623	07/NQ-HĐND ngày 09/3/2023	3.300.000	2.500.000		2.500.000			

Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I.C

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Tổng số				**537.425**	**90.033**		**90.033**		**447.392**	**403.392**	**44.000**				**205.392**			**205.392**	
	Lai Châu				**537.425**	**90.033**		**90.033**		**447.392**	**403.392**	**44.000**				**205.392**			**205.392**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**530.033**	**90.033**		**90.033**		**440.000**	**396.000**	**44.000**				**198.000**			**198.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**530.033**	**90.033**		**90.033**		**440.000**	**396.000**	**44.000**				**198.000**			**198.000**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**530.033**	**90.033**		**90.033**		**440.000**	**396.000**	**44.000**				**198.000**			**198.000**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***530.033***	***90.033***		***90.033***		***440.000***	***396.000***	***44.000***				***198.000***			***198.000***	
(1)	Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu vốn vay Nhật Bản	37988	JICA	1290/QĐ-TTg ngày 26/10/2022	530.033	90.033		90.033	22910000	440.000	396.000	44.000				198.000			198.000	
II	**Cấp nước, thoát nước**				**7.392**					**7.392**	**7.392**					**7.392**			**7.392**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**7.392**					**7.392**	**7.392**					**7.392**			**7.392**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**7.392**					**7.392**	**7.392**					**7.392**			**7.392**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***7.392***					***7.392***	***7.392***					***7.392***			***7.392***	
(1)	Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu	37989	MLCSF	47/NQ-HĐND ngày 28/10/2022	7.392				316700	7.392	7.392					7.392			7.392	

Tỉnh Điện Biên

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**512.676**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**512.676**
1	Vốn nước ngoài	512.676

Tỉnh Điện Biên

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**512.676**		**512.676**
	Các hoạt động kinh tế	512.676		512.676
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*512.676*		*512.676*

Tỉnh Điện Biên

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**1.480.000**	**340.720**		**340.720**		**113.928**	**1.025.352**	**113.928**				**512.676**			**512.676**	
	Điện Biên				**1.480.000**	**340.720**		**340.720**		**113.928**	**1.025.352**	**113.928**				**512.676**			**512.676**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**1.480.000**	**340.720**		**340.720**		**113.928**	**1.025.352**	**113.928**				**512.676**			**512.676**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**1.480.000**	**340.720**		**340.720**		**113.928**	**1.025.352**	**113.928**				**512.676**			**512.676**	
(1)	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên	37979	Jica	981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022	1.480.000	340.720		340.720		113.928	1.025.352	113.928				512.676			512.676	

Tỉnh Điện Biên

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**60.000**
1	**ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM**	**60.000**

Tỉnh Điện Biên

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**60.000**	**60.000**	**60.000**	
	Điện Biên			**60.000**	**60.000**	**60.000**	
I	**ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM**			**60.000**	**60.000**	**60.000**	
(1)	Dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Điện Biên	38211	136/NQ-HĐND; 16/0/2023 137/NQ-HĐND; 14/02/2023	60.000	60.000	60.000	

Thành phố Hà Nội

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**273.877**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**273.877**
1	Vốn nước ngoài	273.877

Thành phố Hà Nội

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**273.877**		**273.877**
	Các hoạt động kinh tế	273.877		273.877
-	*Giao thông*	*273.877*		*273.877*

Thành phố Hà Nội

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó							
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						
	Tổng số				**343.535**	**49.000**		**49.000**		**294.535**	**294.535**				**273.877**			**273.877**	
	Thành phố Hà Nội				**343.535**	**49.000**		**49.000**		**294.535**	**294.535**				**273.877**			**273.877**	
I	**Giao thông**				**343.535**	**49.000**		**49.000**		**294.535**	**294.535**				**273.877**			**273.877**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**343.535**	**49.000**		**49.000**		**294.535**	**294.535**				**273.877**			**273.877**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**343.535**	**49.000**		**49.000**		**294.535**	**294.535**				**273.877**			**273.877**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***343.535***	***49.000***		***49.000***		***294.535***	***294.535***				***273.877***			***273.877***	
(1)	Hỗ trợ kỹ thuật "Chuẩn bị dự án đầu tư Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội đến Hoàng Mai và Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông đô thị tích hợp cho dự án đường sắt đô thị" sử dụng vốn ODA không hoàn lại của các Nhà tài trợ ADB, EU kết hợp vốn đối ứng của thành phố Hà Nội.	4073	ADB, AFD	380/QĐ-TTg ngày 23/3/2022	343.535	49.000		49.000	12,684 triệu USD	294.535	294.535				273.877			273.877	

Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**100.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**100.000**
1	Vốn trong nước	100.000

Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**100.000**	**100.000**	
	Văn hóa, thông tin	100.000	100.000	

Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**100.000**	**100.000**		**100.000**			
	Hải Dương			**100.000**	**100.000**		**100.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**100.000**	**100.000**		**100.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**100.000**	**100.000**		**100.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**100.000**	**100.000**		**100.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***100.000***	***100.000***		***100.000***			
(1)	Bảo tồn Khu di tích lịch sử - văn hoá Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch	38172	43/NQ-HĐND; ngày 08/12/2022	100.000	100.000		100.000			

Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**90.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**90.000**
1	Vốn trong nước	90.000

Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**90.000**	**90.000**	
	Văn hóa, thông tin	90.000	90.000	

Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**120.000**	**90.000**		**90.000**			
	Hưng Yên			**120.000**	**90.000**		**90.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**120.000**	**90.000**		**90.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**120.000**	**90.000**		**90.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**120.000**	**90.000**		**90.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***120.000***	***90.000***		***90.000***			
(1)	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến	38173	341/NQ-HĐND ngày 17/02/2023	120.000	90.000		90.000			

Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**44.000**
1	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**	**44.000**

Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trongđó: NSTW		
	Tổng số			**44.000**	**44.000**	**44.000**	
	Bắc Ninh			**44.000**	**44.000**	**44.000**	
I	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**			**44.000**	**44.000**	**44.000**	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp các trung tâm y tế huyện Gia Bình và huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh	38221	67/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	44.000	44.000	44.000	

Tỉnh Nam Định

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**50.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**50.000**
1	Vốn trong nước	50.000

Tỉnh Nam Định

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**50.000**	**50.000**	
	Văn hóa, thông tin	50.000	50.000	

Tỉnh Nam Định

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**60.000**	**50.000**		**50.000**			
	Nam Định			**60.000**	**50.000**		**50.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**60.000**	**50.000**		**50.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**60.000**	**50.000**		**50.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**60.000**	**50.000**		**50.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***60.000***	***50.000***		***50.000***			
(1)	Bảo quản, tu bổ, tôn tạo cụm di tích quốc gia đình - chùa Ngô Xá, chùa Nề	38180	Số 125/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	60.000	50.000		50.000			

Tỉnh Thanh Hoá

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**310.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**310.000**
1	Vốn trong nước	310.000

Tỉnh Thanh Hoá

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**310.000**	**310.000**	
	Văn hóa, thông tin	310.000	310.000	

Tỉnh Thanh Hóa

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**945.500**	**310.000**		**310.000**			
	Thanh Hóa			**945.500**	**310.000**		**310.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**945.500**	**310.000**		**310.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**945.500**	**310.000**		**310.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**945.500**	**310.000**		**310.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***945.500***	***310.000***		***310.000***			
(1)	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3)	38164	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 11/10/2021, Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 19/11/2022	745.600	180.000		180.000			
(2)	Tu bổ, phục hồi, tôn tạo các hạng mục công trình Khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh	38168	Nghị quyết số 315/NQ-HĐND ngày 27/8/2022, Nghị quyết số 324/NQ-HĐND ngày 19/11/2022	199.900	130.000		130.000			

Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**595.092**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**595.092**
1	Vốn trong nước	60.000
2	Vốn nước ngoài	535.092

Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**595.092**	**60.000**	**535.092**
	Văn hóa, thông tin	60.000	60.000	
	Các hoạt động kinh tế	535.092		535.092
-	*Giao thông*	*535.092*		*535.092*

Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**133.406**	**80.100**		**62.100**			
	Nghệ An			**133.406**	**80.100**		**62.100**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**60.000**	**60.000**		**60.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**60.000**	**60.000**		**60.000**			
a	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**			**60.000**	**60.000**		**60.000**			
(1)	Khu lưu niệm Phan Bội Châu	38169	57/NQ-HĐND ngày 12/11/2022	60.000	60.000		60.000			
II	**Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**			**73.406**	**20.100**		**2.100**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**73.406**	**20.100**		**2.100**			
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**73.406**	**20.100**		**2.100**			
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***73.406***	***20.100***		***2.100***			
(1)	Các đối tượng thực hiện Nghị định 210 (nay là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn): Trang trại chăn nuôi bò thịt tập trung: 1.500 triệu đồng; Trang trại chăn nuôi lợn thịt siêu nạc 600 triệu đồng	11791	658/QĐ-UBND ngày 18/02/2016; 5232/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	73.406	20.100		2.100			

Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.C

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:											Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**4.520.000**	**1.502.000**		**1.502.000**		**3.000.000**	**1.500.000**	**1.500.000**				**535.092**			**535.092**	
	Nghệ An				**4.520.000**	**1.502.000**		**1.502.000**		**3.000.000**	**1.500.000**	**1.500.000**				**535.092**			**535.092**	
I	**Giao thông**				**4.520.000**	**1.502.000**		**1.502.000**		**3.000.000**	**1.500.000**	**1.500.000**				**535.092**			**535.092**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**4.520.000**	**1.502.000**		**1.502.000**		**3.000.000**	**1.500.000**	**1.500.000**				**535.092**			**535.092**	
(1)	Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu	37975	WB	2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021	4.520.000	1.502.000		1.502.000	194,5 triệu USD	3.000.000	1.500.000	1.500.000				535.092			535.092	

Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**69.373**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**69.373**
1	Vốn nước ngoài	69.373

Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**69.373**		**69.373**
	Các hoạt động kinh tế	69.373		69.373
-	*Giao thông*	*69.373*		*69.373*

Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Tổng số				**1.378.583**	**391.011**	**182.587**	**208.424**		**987.572**	**566.877**	**420.694**	**568.319**	**155.000**	**413.319**	**69.373**			**69.373**	
	Hà Tĩnh				**1.378.583**	**391.011**	**182.587**	**208.424**		**987.572**	**566.877**	**420.694**	**568.319**	**155.000**	**413.319**	**69.373**			**69.373**	
I	**Giao thông**				**1.378.583**	**391.011**	**182.587**	**208.424**		**987.572**	**566.877**	**420.694**	**568.319**	**155.000**	**413.319**	**69.373**			**69.373**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**1.378.583**	**391.011**	**182.587**	**208.424**		**987.572**	**566.877**	**420.694**	**568.319**	**155.000**	**413.319**	**69.373**			**69.373**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**				**1.378.583**	**391.011**	**182.587**	**208.424**		**987.572**	**566.877**	**420.694**	**568.319**	**155.000**	**413.319**	**69.373**			**69.373**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***				***1.378.583***	***391.011***	***182.587***	***208.424***		***987.572***	***566.877***	***420.694***	***568.319***	***155.000***	***413.319***	***69.373***			***69.373***	
(1)	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án BIIG2, vay vốn Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)	2762	ADB	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/ QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	182.587	208.424	44.250.000 USD	987.572	566.877	420.694	568.319	155.000	413.319	69.373			69.373	

Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**170.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**170.000**
1	Vốn trong nước	170.000

Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**170.000**	**170.000**	
	Văn hóa, thông tin	170.000	170.000	

Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**187.334**	**172.800**		**172.200**			
	Quảng Trị			**187.334**	**172.800**		**172.200**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**170.000**	**170.000**		**170.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**170.000**	**170.000**		**170.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**170.000**	**170.000**		**170.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***170.000***	***170.000***		***170.000***			
(1)	Khu di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm chiến đấu, bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị	38177	78/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	90.000	90.000		90.000			
(2)	Công viên thống nhất tại khu di tích quốc gia đặc biệt đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, tỉnh Quảng Trị	38178	79/NQ-HĐND ngày 29/11/2022	80.000	80.000		80.000			
II	**Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**			**17.334**	**2.800**		**2.200**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**17.334**	**2.800**		**2.200**			
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**17.334**	**2.800**		**2.200**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020***			***17.334***	***2.800***		***2.200***			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(1)	Xây dựng trang trại Tây Sơn	10225	405/QĐ-UBND ngày 03/3/2016	17.334	2.800		2.200			

Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**203.000**
1	**NGÀNH GIAO THÔNG**	**203.000**

Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**230.000**	**203.000**	**203.000**	
	Quảng Trị			**230.000**	**203.000**	**203.000**	
I	**NGÀNH GIAO THÔNG**			**230.000**	**203.000**	**203.000**	
(1)	Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	38229	01/NQ-HĐND ngày 27/02/2023	230.000	203.000	203.000	

Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**367.499**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**367.499**
1	Vốn nước ngoài	367.499

Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**367.499**		**367.499**
	Văn hóa, thông tin	301.080		301.080
	Các hoạt động kinh tế	66.419		66.419
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*66.419*		*66.419*

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó								
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	Tổng số				**426.611**	**50.677**		**50.677**		**375.934**	**375.934**				**367.499**			**367.499**	
	Thừa Thiên Huế				**426.611**	**50.677**		**50.677**		**375.934**	**375.934**				**367.499**			**367.499**	
I	**Văn hóa**				**342.768**	**41.688**		**41.688**		**301.080**	**301.080**				**301.080**			**301.080**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**342.768**	**41.688**		**41.688**		**301.080**	**301.080**				**301.080**			**301.080**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**342.768**	**41.688**		**41.688**		**301.080**	**301.080**				**301.080**			**301.080**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***				***342.768***	***41.688***		***41.688***		***301.080***	***301.080***				***301.080***			***301.080***	
(1)	Xây dựng thành phố Huế văn hóa và du lịch thông minh"	37992	KOICA	409/QĐ-TTg ngày 30/3/2022	342.768	41.688		41.688	13 triệu USD	301.080	301.080				301.080			301.080	
II	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**83.843**	**8.989**		**8.989**		**74.854**	**74.854**				**66.419**			**66.419**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**83.843**	**8.989**		**8.989**		**74.854**	**74.854**				**66.419**			**66.419**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**				**83.843**	**8.989**		**8.989**		**74.854**	**74.854**				**66.419**			**66.419**	
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***				***83.843***	***8.989***		***8.989***		***74.854***	***74.854***				***66.419***			***66.419***	
(1)	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Thừa Thiên Huế	37993	KOICA	103/NQ-HĐND ngày 26/10/2022	83.843	8.989		8.989	3,617 triệu USD	74.854	74.854				66.419			66.419	

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW										
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																			
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng									
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó:																	
													Đưa vào	Vay lại																
	Tổng số						**1.832.078**	**307.703**		**17.471**		**1.524.375**	**793.474**	**730.901**	**635.630**					**21.935**	**21.935**					**635.630**		**635.630**	
	Thừa Thiên Huế						**1.832.078**	**307.703**		**17.471**		**1.524.375**	**793.474**	**730.901**	**635.630**					**21.935**	**21.935**					**635.630**		**635.630**	
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						**1.832.078**	**307.703**		**17.471**		**1.524.375**	**793.474**	**730.901**	**635.630**					**21.935**	**21.935**					**635.630**		**635.630**	
a	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**33.754**	**6.454**				**27.300**	**27.300**		**4.504**					**3.750**						**754**		**754**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**33.754**	**6.454**				**27.300**	**27.300**		**4.504**					**3.750**						**754**		**754**	
-	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***						***33.754***	***6.454***				***27.300***	***27.300***		***4.504***					***3.750***						***754***		***754***	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						**33.754**	**6.454**				**27.300**	**27.300**		**4.504**					**3.750**						**754**		**754**	
(1)	DA giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2 (huyện Phú Vang, Phú Lộc, Quảng Điền, Phong Điền và TX Hương Trà)	2251	ADB			2178 ngày 26/6/2014	33.754	6.454			1,3 tr USD	27.300	27.300		4.504					3.750						754		754	
b	**Môi trường**						**1.617.196**	**260.809**				**1.353.387**	**639.498**	**713.889**	**576.776**						**21.935**					**598.711**		**598.711**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**1.617.196**	**260.809**				**1.353.387**	**639.498**	**713.889**	**576.776**						**21.935**					**598.711**		**598.711**	
-	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***						***1.617.196***	***260.809***				***1.353.387***	***639.498***	***713.889***	***576.776***						***21.935***					***598.711***		***598.711***	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						**1.617.196**	**260.809**				**1.353.387**	**639.498**	**713.889**	**576.776**						**21.935**					**598.711**		**598.711**	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vàoicân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng								
								Tổng số	Trong đó	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt															
									NSTW NSĐP		Tổng số	Trong đó: Đưa vào	Vay lại														
(1)	Chương trình phát triển các đô thị II - các đô thị xanh	2580	ADB			606/ ngày 28/3/2017	1.617.196	263.809			60,69 tr. USD	1.353.387	639.498	713.889	576.776			576.776				21.935					598.711		598.711	
							74.177	17.471		17.471		56.706	39.694	17.012	45.768			45.768			9.603						36.165		36.165	
c	Tài nguyên						74.177	17.471		17.471		56.706	39.694	17.012	45.768			45.768			9.603						36.165		36.165	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						74.177	17.471		17.471		56.706	39.694	17.012	45.768			45.768			9.603						36.165		36.165	
-	*Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025*						*74.177*	*17.471*		*17.471*		*56.706*	*39.694*	*17.012*	*45.768*			*45.768*			*9.603*						*36.165*		*36.165*	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						74.177	17.471		17.471		56.706	39.694	17.012	45.768			45.768			9.603						36.165		36.165	
(1)	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế	2368	WB			1267 ngày 21/6/2017; 360 ngày 28/01/2022	74.177	17.471		17.471	2,45 triệu USD	56.706	39.694	17.012	45.768			45.768			9.603						36.165		36.165	
d	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						106.951	19.969				86.982	86.982		8.582			8.582			8.582									
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						106.951	19.969				86.982	86.982		8.582			8.582			8.582									
-	*Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025*						*106.951*	*19.969*				*86.982*	*86.982*		*8.582*			*8.582*			*8.582*									
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						106.951	19.969				86.982	86.982		8.582			8.582			8.582									
(1)	Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	2970	JICA			2813/ QĐ-UBND năm 2017	106.951	19.969				86.982	86.982		8.582			8.582			8.582									